

# CHỦ TRƯỞNG TỪNG BƯỚC ĐEM LẠI RUỘNG ĐẤT CHO NÔNG DÂN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM 1945 - 1953

Lê Thị Quỳnh Nga\*

## 1. Tinh thần điều hòa lợi ích vì mục tiêu giải phóng dân tộc

Trong Tuyên ngôn độc lập ngày 2-9-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố: “Nước Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do, và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”<sup>1</sup> Trước bối cảnh lịch sử “nước sôi lửa nóng” và quyết tâm giữ vững nền độc lập, tự do tại một phiên họp toàn thể ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã nêu rõ quan điểm, cách mạng Việt Nam vẫn tiếp tục tinh thần Cách mạng tháng Tám, tiếp tục cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập hoàn toàn, hiệu triệu toàn dân với tinh thần: **“Dân tộc trên hết”, “Tổ quốc trên hết”**<sup>2</sup>. Trước hết cần phải tập trung giải quyết các nhiệm vụ cấp thiết, trong đó có công cuộc xây dựng nền kinh tế mới, thúc đẩy sản xuất và giải quyết nạn đói. Chỉ có thể thực hành *Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay! tăng gia sản xuất nữa!* “Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập”<sup>3</sup>. Nền tảng cho công cuộc khôi phục sản xuất nông nghiệp được Trung ương Đảng và Chính phủ ý thức ngay từ đầu và khẳng định: tôn trọng quyền sở hữu ruộng đất của mọi tầng lớp nhân dân<sup>4</sup>, vận động mọi người dân chung tay thúc đẩy công cuộc khôi phục sản xuất nông nghiệp, không để ngưng trệ hay bỏ hoang ruộng đất. Trung ương Đảng cũng đã nêu rõ: khuyến khích và phát triển nông nghiệp không chỉ là công việc riêng Chính phủ, các cấp chính quyền và nông dân Việt Nam mà cần phải vận động rộng rãi các giai cấp tầng lớp trong xã hội. Ngay cả đối với các tầng lớp phú hào, địa chủ cần phải vận

---

\* TS., Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Tuyên Ngôn độc lập, Báo *Cứu quốc*, số 36, ngày 5-9-1945.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, “Chi thị kháng chiến kiến quốc ngày 25-11-1945”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 8, trang 32.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, trang 115.

4. Điều 12 của Hiến pháp nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam quy định: “Quyền tư hữu tài sản của công dân Việt Nam được bảo đảm”.

động họ tham gia công tác khuyến nông, làm cho tá điền và địa chủ nhân nhượng nhau để tiếp tục cấy cày như thường, thực hành khẩu hiệu “không bỏ một thước đất hoang”, tổ chức tiếp tế, ngăn cấm đầu cơ tích trữ, tổ chức cứu tế, thực hành khẩu hiệu “sẻ cơm nhường áo”<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, các thành phần kinh tế như tiểu nông, tiểu chủ, kinh tế hộ gia đình, kinh tế của tư sản và điền chủ cũng được khuyến khích phát triển trong thời gian đó. Đồng thời các chính sách như giảm tô 25%; chia lại ruộng đất công một cách công bằng cho nam và nữ, v.v... cũng được chính quyền các cấp ban hành và thực thi.

Ngày 13-11-1945, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Bắc Bộ có *Thông tư số 55VP* đã ra quy định “giảm 1/4 mức địa tô đối với tá điền và các người cấy rẽ, cấy thuê”. Ngày 20-11-1945 Bộ Nội vụ của Chính phủ lâm thời ra *Thông tư* quy định chủ ruộng phải giảm 25% địa tô và giảm 20% thuế điền thổ; đề ra một số nguyên tắc chia lại ruộng đất công cho cả nam và nữ, tạm giao ruộng đất vắng chủ cho một bộ phận nông dân thiếu ruộng, đồng thời chỉ thị cho chính quyền các cấp phải công bố *Thông tư* đó cho mọi người thi hành<sup>2</sup>. Nhân dịp đó, ngày 28-11-1946, trong thư gửi các điền chủ Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh ý nghĩa của chủ trương: “Giảm địa tô 25% đã công bình và lợi cho cả điền chủ và nông dân, thì không có lẽ gì mà sinh mỗi chia rẽ”<sup>3</sup>.

Công việc chấn hưng nền nông nghiệp mới cũng rất được chú trọng. Ngày 14-11-1945, Chính phủ đã quyết định thành lập Bộ Canh nông, do ông Cù Huy Cận làm Bộ trưởng. Bộ Canh nông có nhiệm vụ hợp tác chặt chẽ với các điền chủ và nông dân để tăng gia sản xuất cấp tốc nhằm giải quyết nạn đói, đồng thời sửa soạn một chương trình kiến thiết về kinh tế nông nghiệp cho quốc gia. Vai trò của những người nông dân lao động, trực tiếp tăng gia sản xuất rất được đề cao và được Hồ Chí Minh ví như những chiến sĩ trên mặt trận kiến quốc, và họ xứng đáng như những người anh hùng đang chiến trên mặt trận chống ngoại xâm.

Xuất phát từ mục tiêu độc lập, tự do cho dân tộc, Trung ương Đảng đã hướng những chủ trương chính sách ruộng đất không xa rời mục tiêu đó. Định hướng đó chính là cơ sở cho việc tạo thành những chính sách, biện pháp linh hoạt, mềm dẻo của Chính phủ và các địa phương, khiến cho không chỉ người nông dân nhận thức tốt vai trò to lớn của họ đối với công cuộc khôi phục và phát triển sản xuất nông

- 
1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, “Chi thị kháng chiến kiến quốc ngày 25-11-1945”, *Sđđ*, tr. 32-33.
  2. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, 1981, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. (sơ thảo)*, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội, trang 86.
  3. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, 1994, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, , tập 4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 262.

NGHIỆP MÀ CHÍNH NHỮNG ĐIỀN CHỦ<sup>1</sup> CŨNG ĐƯỢC KHUYẾN KHÍCH. HỌ ĐÃ THAM GIA RẤT TÍCH CỰC VÀ HIỆU QUẢ TRONG SỰ NGHIỆP KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC. NHỮNG TƯ DUY THAI NGHÉN BAN ĐẦU NHƯNG VÔ CÙNG QUAN TRỌNG ĐÓ ĐÃ TẠO BÀN ĐẠP CHO VIỆC NẢY NỞ MỘT PHƯƠNG THỨC CẢI CÁCH RUỘNG ĐẤT RẤT RIÊNG VÀ ĐÁP ỨNG ĐƯỢC YÊU CẦU CỦA THỰC TIỄN VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TIẾP SAU.

## 2. “Tiến hành cải cách lần lần, nhiều cuộc cải cách nhỏ gộp lại thành cuộc cách mạng”

Cuối tháng 12 năm 1946, cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống lại sự xâm lược của thực dân Pháp bùng nổ. Tiếp nối tinh thần Cách mạng tháng Tám năm 1945, Trung ương Đảng đã khẳng định: Việt Nam tiến hành một cuộc chiến tranh giải phóng, để giành độc lập, tự do và thống nhất đất nước. Nhiệm vụ chính của công cuộc đó là chống lại thực dân Pháp xâm lược, đồng thời kiến thiết đất nước, phát triển chế độ dân chủ mới. Khi đề ra đường lối như vậy, trong Đảng đã có người đặt câu hỏi với đồng chí Trường Chinh: trong kháng chiến có tiến hành cải cách ruộng đất không? Tổng Bí thư đã trả lời dứt khoát rằng:

*Không!*

*“Cuộc kháng chiến này chỉ hoàn thành nhiệm vụ giải phóng đất nước, củng cố và mở rộng chế độ cộng hoà dân chủ. Nó không tịch thu ruộng đất của địa chủ phong kiến chia cho dân cày, chỉ tịch thu ruộng đất và các hạng tài sản khác của Việt gian phản quốc để bổ sung ngân quỹ kháng chiến hay ủng hộ gia đình các chiến sĩ đã hy sinh”<sup>2</sup>.*

Ngay buổi đầu kháng chiến, Trung ương Đảng đã khẳng định tiến hành nhiệm vụ ruộng đất trong khuôn khổ của cuộc chiến tranh giải phóng, chỉ tịch thu ruộng đất của những ai đi theo thực dân Pháp, đi ngược lại quyền lợi dân tộc. Tinh thần chung vẫn là đoàn kết toàn dân, tập trung vào mục tiêu độc lập, tự do.

Tiếp nối và phát triển tinh thần đó, Trung ương Đảng và Chính phủ đã định hình rõ nét hơn phương thức cải cách ruộng đất từng phần.

Đầu năm 1948, tại Hội nghị mở rộng lần thứ 2, Trung ương Đảng đã tập trung thảo luận cách thức sử dụng ruộng đất của những thành phần phản quốc. Theo đó, dân cày nghèo hoặc bộ đội sẽ được giao để cày cấy.<sup>3</sup> Quan điểm về tạm giao ruộng

---

1. Trong nhiều văn bản của Đảng và Chính phủ lúc đó đã sử dụng danh từ-điền chủ, nhằm chỉ những người sở hữu nhiều ruộng đất.

2. Trường Chinh, 1947, *Kháng chiến nhất định thắng lợi*, Nxb Sự thật, Hà Nội, trang 30-31.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Nghị quyết hội nghị Trung ương mở rộng, ngày 15, 16, 17 tháng 1 năm 1948”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 31.

đất của những người phản quốc cũng được Ban Thường vụ Trung ương Đảng cân nhắc và lý giải cụ thể tới các địa phương. Mục đích tịch thu ruộng đất của Việt gian phản quốc là nhằm trừng trị những người phản bội quyền lợi dân tộc để nêu gương, đồng thời đem lại lợi ích phần nào cho dân cày để giúp họ cải thiện đời sống. Trung ương lưu ý các địa phương, trong khi tuyên truyền và thực hiện “không nên làm cho giới tư sản, điền chủ hiểu lầm rằng: đây là một bước đầu để nay mai sẽ đi tới tịch thu ruộng đất của địa chủ...”<sup>1</sup>. Đồng thời nhằm bảo vệ lợi ích pháp lý cho nông dân, Hội nghị cán bộ toàn quốc của Đảng lần thứ 4, tháng 5-1948 đã nêu: vấn đề ruộng đất và tài sản tịch thu từ Việt gian phải được đưa ra tòa án tuyên bố rõ ràng.<sup>2</sup> Đối với ruộng đất vốn là những đồn điền của thực dân Pháp, hội nghị Trung ương Đảng mở rộng lần thứ 2 đã quyết định đem cấp ruộng đất đồn điền cho dân cày nghèo và lưu ý chấn chỉnh các đồn điền do Chính phủ quản lý. Đến Hội nghị cán bộ Đảng toàn quốc lần thứ 4, Trung ương Đảng đã chủ trương, tạm thời giao đồn điền cho Chính phủ quản lý; thành lập ở mỗi đồn điền một Ban quản trị có trách nhiệm phân phối ruộng cho dân, giúp đỡ kế hoạch cho dân cày cấy<sup>3</sup>.... Ngoài ra các vấn đề về triệt để giảm tô 25%, chia công điền cho công bằng và hợp lý tiếp tục được Trung ương thúc đẩy trong các Hội nghị kể trên. Đồng thời các chủ trương về bãi bỏ các loại địa tô phụ thuộc; bãi bỏ chế độ quá điền; điều tra ruộng đất để bỏ thuế “không thu” và thủ tiêu chế độ “điền bất cập bạ”<sup>4</sup> trong nông thôn cũng được nêu lên. Tại Hội nghị mở rộng lần thứ 2, Trung ương Đảng còn chủ trương thu thuế bằng nông sản để cho dân quê dễ nộp; chấn chỉnh tín dụng sản xuất, điều tra nợ để quy định nợ lãi, v.v...

Một sự kiện đáng được nhấn mạnh là Hội nghị cán bộ toàn quốc lần thứ 5, tháng 8-1948. Lần đầu tiên Trung ương Đảng đã khẳng định “*Dùng phương pháp cải cách mà dần dần thu hẹp phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bản xứ (ví dụ: giảm tô), đồng thời sửa đổi chế độ ruộng đất (trong phạm vi không có hại cho nặt trận thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược)*”. “*Đó cũng là một cách ta thực hiện cách mạng thổ địa bằng một đường lối riêng biệt*”<sup>4</sup> (TG nhấn mạnh). Quyết định về một phương thức cải cách riêng biệt nêu trên của Trung ương Đảng đã xuất

- 
1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chỉ thị gửi các khu uỷ (18-2-1948) của Ban Thường vụ Trung ương Đảng”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, *Sđd*, trang 61.
  2. Câu này được đề trong ngoặc đơn của bản “Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (miền Bắc Đông Dương)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, *Sđd*, trang 100
  3. Đảng Cộng sản Việt Nam: “Nghị quyết Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ IV (miền Bắc Đông Dương)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, *Sđd*, trang 100-101.
  4. Đảng Cộng sản Việt Nam “Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ (Báo cáo đọc ở Hội nghị cán bộ lần thứ V, từ 8-8 đến 16-8-1948)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, *Sđd*, trang 199.

phát từ những phân tích nổi bật về tình hình dân cày và địa chủ, về bối cảnh và tính chất của cách mạng dân chủ mới ở Việt Nam.

Trước những quyết định nêu trên, trong Đảng đã diễn ra nhiều những tranh luận sôi nổi. “Có đồng chí nói, cách mạng Đông Dương chỉ là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Vì trong hai nhiệm vụ phản đế và phản phong kiến nói trên, ta phải tập trung hết sức lực mà làm xong nhiệm vụ phản đế, đánh đuổi đế quốc Pháp”<sup>1</sup>. Trước ý kiến như vậy, Trung ương Đảng đã giải thích rõ: “Cố nhiên phải tập trung mọi lực lượng làm cho xong nhiệm vụ phản đế, nhưng nhiệm vụ phản phong kiến (bãi trừ những tàn tích bóc lột phong kiến và cải cách ruộng đất) không phải hoàn toàn gác lại sau khi đã làm xong nhiệm vụ phản đế rồi mới tính đến. Lúc này cách mạng dân chủ mới Đông Dương đâu có thể chia đứt ra làm hai khúc đứt khoát, rành mạch như thế được. Cách mạng tháng Tám đã tịch thu không bồi thường một phần ruộng đất của thực dân Pháp và của Việt gian. Một phần ruộng đất tịch thu đó cần và có thể đem chia cho dân cày nghèo. Trong quá trình kháng chiến, việc tịch thu, không bồi thường ruộng đất của thực dân và của bọn phản quốc vẫn phải tiếp tục. Ruộng đất của bọn chúng tịch thu đến đâu, có thể giao cấp cho dân cày đến đó chứ!”<sup>2</sup>

Những tranh luận nêu trên có thể giúp chúng ta hình dung được sự tồn tại của nhiều quan điểm khác nhau về cách thức giải quyết vấn đề ruộng đất ở Việt Nam. Có thể đã hình thành một quan điểm từ sớm là phải tiến hành cũng một lúc cả nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến; hoặc là “gác lại” nhiệm vụ ruộng đất để thực hiện xong nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Theo chúng tôi, cả hai quan điểm đó đều chưa hiểu thấu đáo vấn đề ruộng đất được thực hiện từng phần trong kháng chiến là nhằm mục đích thúc đẩy nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đồng thời, trong quá trình đó sẽ nảy nở một phương thức giải quyết vấn đề ruộng đất không theo một khuôn mẫu sẵn có.

Trên thực tế, phương thức cải cách từng phần tiếp tục được bổ sung và phát triển cũng với nhiều chính sách rất đáng chú ý. Một trong những số đó là chủ trương hiến ruộng và điều tra nông thôn của Đảng. Trong Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6, họp từ ngày 14 đến ngày 18-1-1949, Trung ương Đảng đã nêu, cần phải “gây phong trào hiến ruộng”. Thêm nữa, Trung ương cũng đề nghị phải phát triển Hội Nông dân cứu quốc để tiếp tục vận động nông dân đòi giảm tô. Phải vận động các địa chủ đồng chí, hội viên Mặt trận, cán bộ kháng chiến hành chính giảm

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 9, *Sđd*, trang 198.

2. Như trên, trang 198-199

tô, làm gương mẫu cho các địa chủ khác...<sup>1</sup> Ở đây, Trung ương Đảng đã thừa nhận một bộ phận “các đồng chí địa chủ” trong phong trào cách mạng ở nông thôn và nhận thấy họ có thể là hình mẫu tiên phong trong phong trào quyên ruộng, hiến điền. Trên thực tế đây là một chính sách đã tạo nên những thành quả rất đáng ghi nhận cả về lý luận và thực tiễn. Tính sáng tạo của chính sách đã thúc đẩy sự sáng tạo và linh hoạt của các địa phương khi ngay khi họ thực hiện.

Cùng với chính sách hiến điền, Hội nghị Trung ương 6 cũng đã nêu lên chủ trương tiến hành *điều tra nông thôn* nhằm chuẩn bị tiến tới thi hành một chính sách ruộng đất cao hơn. Xét về mặt lý luận đây là một nội dung rất đáng chú ý. Tuy nhiên, thực tế của việc điều tra nông thôn trong giai đoạn này như thế nào, tư liệu về vấn đề này ra sao, theo tôi cần phải được đào sâu nghiên cứu. Mặc dù chưa có nhiều bằng chứng về vấn đề này, nhưng dựa trên một số văn bản của Trung ương ban hành đầu năm 1950 cho thấy, đã có một sự điều tra kỹ lưỡng về tình hình nông thôn Việt Nam lúc bấy giờ. Điều đó đã tạo nên cơ sở của những đánh giá xác đáng của Đảng về tình nông thôn, đặc biệt là vấn đề về giai cấp và sở hữu ruộng đất. Chính vì vậy mà đường lối, chính sách cũng phát triển nở rộ trong giai đoạn này.

Đáng kể nhất là quan điểm tiến hành “*cải cách lần lần, nhiều cuộc cải cách ruộng đất tiếp tục cộng lại thành một cuộc cách mạng ruộng đất*” (TG nhân mạnh) được nêu lên trong báo cáo *Chính sách ruộng đất của Đảng và vấn đề điều tra nông thôn* do Tổng Bí thư Trường Chinh trình bày tại Hội nghị của Trung ương Đảng về điều tra nông thôn, ngày 10-2-1950. Vậy phải thực hiện *lần lần, nhiều cuộc cải cách nhỏ* là như thế nào? Đó là việc thực hiện một *chương trình cải cách ruộng đất* gồm ba bước:

- *Bước thứ nhất*: tịch thu không bồi thường ruộng đất của thực dân Pháp và của bọn phản quốc, một phần lớn chia cho dân nghèo, một phần nhỏ để làm đòn bẩy thí nghiệm, giảm tô, giảm tức; cổ động quyên ruộng (hiến điền), thu hẹp chế độ nông nô và chế độ bộ lạc; phát triển hợp tác xã nông nghiệp.

- *Bước thứ hai*: tịch thu ruộng đất của đại địa chủ chia cho dân cày; xoá bỏ tàn tích chế độ nông nô.

- *Bước thứ ba*: thủ tiêu toàn bộ chế độ bóc lột địa tô, triệt để thực hiện khẩu hiệu người cày ruộng có ruộng.

Giữa ba bước trên không có một giới hạn cố định. Không phải làm xong hoàn toàn những việc của bước thứ nhất rồi mới làm đến việc của bước thứ hai, ngay

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Tích cực cầm cự và chuẩn bị tổng phản công (Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị cán bộ Trung ương lần thứ 6)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 10 (1949). Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 57-58.

trong bước thứ nhất và thứ hai cũng đã thực hiện một phần nào khẩu hiệu “Người cày có ruộng”<sup>1</sup>. Hiện thời cách mạng đang ở bước thứ nhất. Trong bước này, Đảng chưa đặt ra vấn đề tịch thu ruộng đất của địa chủ vì nhiệm vụ chống đế quốc phải hoàn thành gấp rút, nên nhân nhượng với địa chủ để đoàn kết mọi lực lượng đánh Pháp. Vấn đề then chốt của bước này là giảm tô, giảm tức<sup>2</sup>. Vậy *khi nào nhiệm vụ cải cách ruộng đất sẽ chuyển sang bước tiếp theo?* Trong báo cáo, đồng chí Trường Chinh đã nêu, các địa phương phải giải thích cho dân cày, thuyết phục địa chủ, để họ nhân nhượng lẫn nhau, đặt quyền lợi quốc gia dân tộc lên trên; vận động các thân sĩ yêu nước, cán bộ chính quyền và đoàn thể xung phong làm gương trong việc giảm tô, giảm tức và quyên ruộng; gấp rút điều tra nông thôn để hoàn thành bước thứ nhất (giảm tô, giảm tức) và *chuẩn bị tiến lên bước mới, cải cách ruộng đất mạnh hơn*. Mặt khác, đồng chí cũng nhấn mạnh: sau khi kháng chiến thành công, lúc đó việc hoàn thành nhiệm vụ chống phong kiến là công việc trước mắt, then chốt của vấn đề cải cách ruộng đất là *thủ tiêu chế độ bóc lột địa tô, bắt đầu bằng cách thủ tiêu chế độ bóc lột của đại địa chủ trước*<sup>3</sup>.

Dựa vào nội dung nêu trên, có thể nhận thấy, sau bước thứ nhất, để chuẩn bị cho “cải cách ruộng đất mạnh hơn”, cách mạng Việt Nam sẽ chuyển sang bước thứ 2. Tức là chưa tiến hành cải cách triệt để. Hay nói cách khác thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng” chỉ được thực hiện sau khi kháng chiến chống thực dân Pháp thành công.

Tuy nhiên trong báo cáo "*Chính sách của Đảng ở nông thôn (Việt Nam)*" được trình bày tại Hội nghị mở rộng Ban Kinh tế Trung ương (từ ngày 5 đến 7-7-1950), Tổng Bí thư Trường Chinh đưa ra quan điểm: không phải toàn quốc theo đúng ba bước như nhau. Không nhất thiết phải kháng chiến thành công hoàn toàn mới thực hiện “Người cày có ruộng”. Khi giải phóng một phần lớn đất đai, có thể thực hiện một phần khẩu hiệu đó ở những nơi có đủ điều kiện, nghĩa là: trình độ giác ngộ và tổ chức của nông dân cao, vai trò lãnh đạo địa phương của Đảng mạnh, chính quyền nhân dân đã tạm ổn định, v.v... Khi đưa ra quan điểm này, Tổng Bí thư cũng lưu ý: phải tránh hai khuynh hướng sai lầm trong giai đoạn hiện tại, cho rằng

1. Như thế nào là thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”. Trong báo cáo này, đồng chí Trường Chinh cũng đã nêu: “Cải cách ruộng đất gồm nhiều việc, song cải cách ruộng đất triệt để tức là thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng”” [tr. 600]. Như vậy, thực hiện “Người cày có ruộng” chính là bước cải cách ruộng đất cao nhất, triệt để nhất.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chính sách ruộng đất của Đảng và vấn đề điều tra nông thôn ngày 10-2-1950 (Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại Hội nghị điều tra nông thôn)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11 (1950). Nxb CTQG. Hà Nội, trang 234-235.

3. Như trên, trang 235-237.

không nên cải cách ruộng đất, làm hại đến chính sách đại đoàn kết kháng chiến, hoặc phải tịch thu ruộng đất của địa chủ không kê phản quốc hay không phản quốc, chia cho dân cày. Đồng thời đồng chí cũng nhấn mạnh: để chuẩn bị cho cuộc cải cách ruộng đất rộng lớn hơn, nhiệm vụ trước mắt là: xây dựng và phổ biến quy định phân loại thành phần các tầng lớp nông thôn; thu thập và tổng kết những kinh nghiệm về giảm tô, giảm tức, tạm cấp ruộng đất, chia lại công điền, điều tra nông thôn; nghiên cứu tỉ mỉ tình hình nông nghiệp và chế độ ruộng đất; học tập và phổ biến kinh nghiệm cải cách ruộng đất nước ngoài, đặc biệt là kinh nghiệm của Trung Quốc.<sup>1</sup>

Để tạo cơ sở cho việc thực thi chính sách giảm tô, giảm tức, tiến hành điều tra nông thôn của Đảng và các công tác liên quan khác, Thường vụ Trung ương Đảng cũng đã ban hành Chỉ thị về việc phân định thành phần các tầng lớp nhân dân ở nông thôn. (ngày 17-7-1950). Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã nêu lên tiêu chuẩn chủ yếu để phân định thành phần các tầng lớp là nguồn sống chính của mỗi người, mỗi gia đình. Họ có phương tiện sản xuất hay không, có bao nhiêu, có những gì, sử dụng thế nào (tự làm lấy, thuê nhân công, hay cho cấy lấy tô ... ) Từ căn cứ này, các tầng lớp ở nông thôn được nêu lên gồm: địa chủ; phú nông; trung nông; bần nông; công nhân (kể cả cố nông); tiểu thương, tiểu chủ; những người có nghề nghiệp tự do như thầy kiện, thầy lang, nhà văn, nhà báo, hát chèo..., những người có nghề nghiệp tôn giáo như: nhà sư, ông từ, cha cố, thầy dòng,... lưu manh<sup>2</sup>. Ngoài ra, Trung ương Đảng cũng lưu ý rằng, để phân định đúng thành phần các tầng lớp, ngoài những tiêu chuẩn và định nghĩa đã được nêu ra, còn cần phải căn cứ vào ý kiến chung của dân chúng địa phương. Trong việc phân định cần chú ý tránh nhầm lẫn giữa địa chủ và phú nông, giữa trung nông khá với phú nông. Đồng thời cũng cần xác định đúng thành phần những người, gia đình đã có sự biến đổi theo hướng lên hoặc xuống thành phần.

Đáng kể hơn là ngày 5-11-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra *Chỉ thị về vấn đề sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong việc thi hành chính sách nông thôn của Đảng*, trong đó một lần nữa đã nhấn mạnh quan điểm cần phải giải quyết mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam giữa toàn thể dân tộc với chủ nghĩa đế quốc và Việt gian tay sai, để giành tự do, độc lập cho toàn thể dân tộc, Trong hai

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chính sách của Đảng ở nông thôn (Việt Nam) (Báo cáo của đồng chí Trường Chinh tại phiên họp của Ban kinh tế Trung ương mở rộng)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11, *Sđd*, trang 604-605.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chỉ thị của Ban thường vụ Trung ương về việc phân định thành phần các tầng lớp nhân dân ở nông thôn, ngày 17-7-1950”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11, *Sđd*, trang 398-403.



nhiệm vụ phản đế và nhiệm vụ phản phong kiến, thì *nhiệm vụ phản đế là chính*. Đồng thời cách nhìn nhận đúng đắn về giai cấp địa chủ cũng đã được Ban Thường vụ Trung ương Đảng nêu ra: một mặt hạn chế sự bóc lột của địa chủ, *đồng thời kéo địa chủ về phe kháng chiến, không đẩy họ về phe đế quốc xâm lược, hoặc ít nhất cũng làm cho họ đứng trung lập có thiện cảm với kháng chiến. Tuyệt đối không được coi địa chủ ngang với đế quốc, hoặc coi phú nông như địa chủ*. Từ đó, Đảng thừa nhận họ có nhân quyền, chính quyền, tài quyền, địa quyền. (TG nhấn mạnh) Thường vụ Trung ương Đảng đã kết luận: “*lúc này lợi ích của mỗi tầng lớp nhân dân phải phục tùng lợi ích của toàn thể dân tộc kháng chiến...*” và đưa ra chủ trương: “*Liên minh với toàn thể nông dân (kể cả phú nông), hạn chế bóc lột của địa chủ, để đánh đổ đế quốc xâm lược và bọn phản quốc, làm cho nước nhà được độc lập, thống nhất thật sự và củng cố chính quyền dân chủ nhân dân*”<sup>1</sup>.

Ngoài ra, Trung ương Đảng cũng nhắc lại những nội dung căn bản chủ trương, chính sách của Đảng đối với các giai tầng ở nông thôn và đề ra những nội dung, biện pháp cụ thể để sửa chữa những sai lầm trong việc thực hiện giảm tô, giảm tức; trong việc vận động hiến ruộng; trong việc chia công điền; trong việc tạm cấp ruộng đất của Pháp và Việt gian cho nông dân nghèo; trong việc thực hiện chính sách ruộng đất ở miền núi,...

Từ đường lối, chủ trương chính sách của Trung ương Đảng nêu trên, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã nhanh chóng thể chế hoá thành nhiều sắc lệnh, văn bản luật quan trọng. Ngày 14-7-1949, Chính phủ ban hành Sắc lệnh số 78/SL quy định giảm 25% mức địa tô đã thu trước Cách mạng tháng Tám. Sắc lệnh số 87/SL về giảm tức và Sắc lệnh số 88/SL ngày 22-5-1950 quy định thể lệ lĩnh canh. Đồng thời, Chính phủ cũng ban hành Sắc lệnh số 75/SL, ngày 1-7-1949 tạm cấp ruộng đất của Việt gian cho nông dân nghèo; Sắc lệnh số 90/SL, ngày 22-5-1950 về quyền lợi khi sử dụng ruộng đất bỏ hoang, v.v... Việc ra đời các sắc lệnh và nhiều văn bản pháp lý khác từ 1948 đến năm 1952<sup>2</sup> về ruộng đất của Chính phủ và việc thành lập Hội đồng giảm tô, giảm tức cấp tỉnh, Ban giảm tô, giảm tức cấp xã đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thi hành rộng rãi và hiệu quả hơn chủ trương cải cách từng phần.

Tiếp tục tư duy, nhận thức đúng đắn về con đường cách mạng Việt Nam, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II (tháng 2-1951) Trung ương Đảng đã phát triển

- 
1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chi thị về vấn đề sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm trong việc thi hành chính sách nông thôn của Đảng, ngày 5-11-1950”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 11, *Sđd*, trang 524-525.
  2. Thống kê bước đầu cho thấy, từ năm 1948-1949, Chính phủ đã ban hành 38 Sắc lệnh và các văn bản pháp lý khác nhau liên quan đến vấn đề ruộng đất nói chung.

hoàn thiện nhận thức về cách mạng ruộng đất ở Việt Nam. Xuất phát từ quan điểm “*Con đường từ nay đến chủ nghĩa xã hội là một con đường khó khăn và dài. Không thể giạng chân ra mà bước một bước không lùi để đến ngay chủ nghĩa xã hội. Phải bước nhiều bước, chia thành nhiều độ mà đi*” [97, tr. 91], Trung ương Đảng cho rằng về đại thể cách mạng Việt Nam sẽ phát triển qua ba giai đoạn. *Giai đoạn thứ nhất* có nhiệm vụ trung tâm đánh đổ đế quốc thực dân, giành độc lập cho dân tộc. Đảng chủ trương tập hợp mọi lực lượng dân tộc thành lập mặt trận dân tộc thống nhất. Trong giai đoạn này, tư sản dân tộc và cả một phần địa chủ cũng tham gia hoặc ủng hộ kháng chiến. *Giai đoạn thứ hai*, nhiệm vụ giải phóng dân tộc căn bản đã hoàn thành, trung tâm của cách mạng chuyển sang cải cách ruộng đất, triệt để thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, phát triển hợp tác xã nông nghiệp, tiến hành công nghiệp hoá, phát triển kinh tế nhà nước. Trong giai đoạn này, những thân sĩ tiên bộ và tư sản dân tộc nói chung vẫn tham gia cách mạng. *Giai đoạn thứ 3*, phải tập trung đẩy mạnh công nghiệp hoá, phát triển công nghiệp nặng, thúc đẩy kinh tế nhà nước, củng cố cơ sở cho chủ nghĩa xã hội. Ba giai đoạn đó kế tục một cách mật thiết, nhiệm vụ của giai đoạn thứ hai, tức thực hiện cách mạng ruộng đất được thực hiện *một phần nào* ngay trong giai đoạn thứ nhất, nhưng mỗi giai đoạn có nhiệm vụ trọng tâm của nó. Không thể đem nhiệm vụ trung tâm, trước mắt của giai đoạn nọ làm nhiệm vụ trung tâm trước mắt của giai đoạn kia.

Nếu cho rằng nhiệm vụ giải phóng dân tộc và nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cùng thực hiện trong một giai đoạn thì dẫn đến khuynh hướng coi hai nhiệm vụ đó ngang nhau, sẽ không tập trung được lực lượng dân tộc để hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc trước, và chỉ có thể bài trừ được một phần nhỏ những di tích phong kiến như giảm tô, giảm tức... Quyết không thể thực hiện hãn hoi khẩu hiệu người cày có ruộng cùng với nhiệm vụ đánh đổ đế quốc xâm lược. Vì thế, “*đánh đổ đế quốc xâm lược là một chiến lược, nằm trong một giai đoạn chiến lược. Thủ tiêu nội di tích phong kiến và nửa phong kiến, thực hiện người cày có ruộng lại là một chiến lược khác, nằm trong một giai đoạn chiến lược khác*”<sup>1</sup> (TG nhấn mạnh)

Quan điểm nêu trên đã đưa đến những phân tích xác đáng của Đại hội II về vấn đề trọng tâm của cách mạng Việt Nam hiện thời là thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc. Cuộc cách mạng đó phải khơi dậy được nguồn lực dân tộc, phải đoàn kết được toàn dân tập trung đánh đổ kẻ thù chính là thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, đối tượng phụ là bọn phong kiến phản động (không phải là toàn bộ giai

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội (Luận cương cách mạng Việt Nam do đồng chí Trường Chinh đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng)”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12 (1951), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 92.

cấp địa chủ phong kiến). Trong khuôn khổ của cuộc cách mạng giải phóng, một phần nhiệm vụ của cách mạng ruộng đất cũng được thực hiện, nhằm thúc đẩy công cuộc giải phóng dân tộc mau thắng lợi. Do vậy, chính sách ruộng đất trong kháng chiến được đề ra chủ yếu chỉ nhằm vào thực hiện giảm tô, giảm tức, đồng thời thi hành những cải cách nông nghiệp khác như quy định chế độ lĩnh canh, tạm cấp ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian cho dân cày nghèo, chia lại công điền, sử dụng hợp lý ruộng vắng chủ và ruộng bỏ hoang, khuyến khích quyền ruộng, hiến điền, thu thuế nông nghiệp, v.v... “Mục đích trước mắt của chính sách này là làm cho nông dân phấn khởi tăng gia sản xuất, hăng hái tham gia giết giặc, bảo đảm cung cấp và đoàn kết toàn dân để kháng chiến.”<sup>1</sup>

Để tập trung mọi lực lượng cho kháng chiến, quan điểm được đưa ra là không được tịch thu ngay ruộng đất của địa chủ vì “*trong từng lớp địa chủ nước ta còn có khả năng phân để một phần nào, Đảng chủ trương kéo một phần lớn địa chủ (tiểu và trung địa chủ) về phe kháng chiến* hay ít nhất làm cho họ trung lập và có thiện cảm đối với kháng chiến”. Từ đó, chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ đối với giai cấp địa chủ trong kháng chiến cũng chủ yếu tập trung vận động giai cấp này nghiêm túc giảm tô, giảm tức, làm giấy giao kèo để thực hiện nghiêm chỉnh quy chế lĩnh canh đối với tá điền, cấm chủ ruộng vô cơ đòi lại ruộng, xoá bỏ địa tô phụ, xoá bỏ chế độ quá điền, phát động hiến ruộng theo nguyên tắc tự nguyện. Vận động địa chủ nhường ruộng cho dân cày là một trong những phong trào đã phát triển ở nhiều địa phương, nhất là ở những khu vực đất đai rộng lớn và màu mỡ, thuộc sở hữu lớn của địa chủ như vùng Nam Bộ. Từ năm 1951 trở đi, việc áp dụng chính sách thuế nông nghiệp lũy tiến, tập trung thu thuế đối với lực lượng sở hữu lớn về ruộng đất, cũng đã góp phần làm hạn chế sự tích tụ ruộng đất. Tình trạng phân hóa ruộng đất từ địa chủ sang các thành phần nông dân đã diễn ra phổ biến tại nhiều địa phương.

Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II cho đến năm 1952, Đảng Lao động Việt Nam lại một lần nữa khẳng định: Chính sách ruộng đất của ta hiện nay là chính sách ruộng đất của Mặt trận dân tộc thống nhất kháng chiến, hay cụ thể là chính sách một mặt địa chủ phải giảm tô, giảm tức và một mặt tá điền phải trả tô, trả tức. Mục đích của chính sách ruộng đất của ta hiện nay là đoàn kết dân tộc để kháng chiến trong toàn quốc; cô lập bọn đế quốc xâm lược và bè lũ tay sai của chúng để diệt chúng; đồng thời giảm nhẹ bóc lột phong kiến và làm yếu thế lực phong kiến, để cải thiện đời sống cho nông dân, khuyến khích sản xuất<sup>2</sup>

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chính cương Đảng Lao động Việt Nam”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12, *Sđd*, trang 439-440.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Chính sách ruộng đất của ta hiện nay và cuộc vận động giảm tô giảm tức”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 13 (1952), Nxb Chính trị quốc gia, trang 119.

### 3. Những thay đổi to lớn trong nông thôn về tình hình ruộng đất và giai cấp

Cho đến nay, một số công trình nghiên cứu về các địa phương đã cung cấp những bằng chứng về tính hiệu quả của quá trình thực hiện chính sách ruộng đất từng phần. Đồng thời các công trình đó cũng cho thấy một thực tế thực hiện với những cách thức linh hoạt, mềm dẻo dựa vào điều kiện thực tế của các địa phương trong quá trình thực thi đường lối của Trung ương.

Tại tỉnh Thanh Hóa, trên cơ sở đường lối của Trung ương, tháng 4-1949<sup>1</sup> các quyết định về vấn đề ruộng đất đã được nêu lên: “kiên quyết triệt để thi hành chính sách ruộng đất, giảm tô 25%, quân cấp công điền công bằng và ruộng đất của thực dân Pháp và Việt gian phản quốc cho dân cày nghèo, vận động các gia đình có nhiều ruộng đất tham gia vào việc hiến điền và điều tra nông thôn”<sup>2</sup>. Để thực hiện được chủ trương trên, Thanh Hóa đã nêu lên những quan điểm rất đáng chú ý: bất cứ việc gì, đối với tầng lớp nào, đều lấy việc *giải thích vận động làm chính...*, phải biết: “*nắm chắc cố, bản, trung nông, hợp tác phú nông, thuyết phục địa chủ, tăng cường thêm khối đại đoàn kết kháng chiến, nhưng không quên quyền lợi dân cày, không thủ tiêu tranh đấu mà phải có những hình thức, kế hoạch mềm dẻo, khôn khéo*”. Riêng đối với vấn đề giảm tô 25%, “*hướng chính là địa chủ, còn phú nông cũng phải tích cực vận động, nhưng hình thức vận động phải mềm dẻo hơn, nặng về thuyết phục hơn là dùng áp lực của dân cày tranh đấu và áp lực của chính quyền. Đối với trung nông không đặt thành phong trào vận động vì họ không sống về bóc lột hay chỉ chút ít, khi gặp mâu thuẫn vì quyền lợi với bản cố nông thì đứng về nội bộ nông dân mà giải quyết, nhân nhượng quyền lợi cho nhau...*”. Phương châm được đặt ra là phải giữ vững đoàn kết nhưng không thủ tiêu tranh đấu, đấu tranh không phá hoại đoàn kết, nghĩa là phải giáo dục dân cày, làm cho họ có ý thức tranh đấu, những hình thức tranh đấu phải mềm dẻo và cương quyết và hết sức giải thích cho điền chủ. Vận động giảm tô phải đi đôi với việc vận động tăng gia sản xuất...nhất thiết phải tùy theo sự bóc lột của từng thành phần, từng cá nhân mà định kế hoạch tranh đấu.

Tính đến những năm 1950-1953, trên toàn tỉnh Thanh Hoá, 2/3 diện tích công điền đã được chia cho nông dân. 14.297 mẫu 5 sào đôn điền của Pháp, Việt gian và vắng chủ đã được thu, chia cho nông dân 3.315 mẫu 9 sào, còn lại 10.981 mẫu 8 sào là diện tích cây công nghiệp và hoang rậm do Bộ Canh Nông quản lý dưới hình thức các nông trường quốc doanh. Sau khi có sắc lệnh giảm tô, rất nhiều điền chủ

1. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ II.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá, 1985, *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá*, Nxb Thanh Hoá, Thanh Hóa, trang 29.

Thanh Hoá thực hiện giảm tô từ 10% đến 15%. Sang đến năm 1951-1952, đại bộ phận địa chủ đã giảm 25%, có nơi đã giảm tới 30% đến 50%<sup>1</sup> Theo tài liệu thống kê 39 xã của Thanh Hóa, nếu năm 1945, giai cấp địa chủ chiếm 3,1% số hộ nông thôn, chiếm hữu 30,0% ruộng đất, thì đến năm 1953 đã xuống 2,1% số hộ, và chiếm hữu ruộng đất 11,3%.<sup>2</sup> Như vậy đã có hơn 88% ruộng đất ở Thanh Hóa được chuyển vào tay nông dân cây cấy dưới nhiều hình thức. So sánh với tỉnh Thái Nguyên, một tỉnh thuộc vùng tự do Việt Bắc, nông dân lao động với 91,3% dân số đã làm chủ gần 80% tổng số ruộng đất<sup>3</sup> thì Thanh Hóa đã đạt được thành tích vượt trội.

Con số thống kê ở 3.035 xã ở miền Bắc trước khi cải cách ruộng đất, kết quả cũng rất đáng chú ý. Từ năm 1945 đến năm 1953, ruộng đất của thực dân Pháp đã được tịch thu chia cho nông dân là 26,8 ngàn hécta; ruộng đất của địa chủ được chia cho nông dân là 156,6 ngàn hécta; ruộng đất nhà chung chia cho nông dân là 3,2 ngàn hécta; ruộng đất công và nửa công được chia là 289,3 ngàn hécta. So với tổng số ruộng đất được chia cho nông dân đến khi hoàn thành cải cách ruộng đất đã được sửa sai, thì số ruộng đất được chia cho nông dân từ năm 1945 đến năm 1953 chiếm 58,8%. Nếu đem so sánh với tình hình trước năm 1945, ta thấy địa chủ chiếm 3% dân số lại chiếm hữu 52,1% tổng số ruộng đất, song đến năm 1953, địa chủ còn chiếm 2,3% dân số và ruộng đất chiếm hữu chỉ còn 18% tổng số ruộng đất. Nông dân lao động (gồm trung nông, bản nông và cố nông) chiếm 92,5% dân số đã được làm chủ 70,7% tổng số ruộng đất.<sup>4</sup>

Nam Bộ cũng là một khu vực đạt được những thành quả nổi trội, đặc biệt là trong lĩnh vực hiến điền. Điều đó được ghi nhận trong việc triển khai một cách linh hoạt đường lối cải cách từng phần của Xứ ủy Nam Bộ trên cơ sở điều kiện rất riêng của vùng đất này. Trong khi chỉ đạo thực hiện giảm tô, giảm tức, đối với việc tạm cấp ruộng đất, Xứ ủy chủ trương, phải tiến hành thận trọng, không được hấp tấp “và cần phải có sự mềm dẻo trong thực hiện”, “phải đứng trên quyền lợi của nông dân và điều hòa quyền lợi của phú nông và địa chủ để không làm mất đoàn kết kháng chiến”, “phải đề phòng những thủ đoạn gian xảo của địa chủ ngoan cố làm sai lệch chính sách của Đảng, đồng thời cũng đề phòng những hành động quá trớn của nông dân có hại cho sự đoàn kết”, *Về đất đai, đối với địa chủ Việt gian, phản động thì*

- 
1. *Hồ sơ tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thanh Hoá*. Hồ sơ 84, Lưu trữ UBND tỉnh Thanh Hoá, trang 37; 47
  2. *Hồ sơ tổng kết cải cách ruộng đất tỉnh Thanh Hoá*. TLĐĐ, trang 38 -58,
  3. Nguyễn Duy Tiến, 2002, *Quá trình thực hiện quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân ở Thái Nguyên (1945-1957)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 102.
  4. Tổng cục Thống kê, 1990, *Việt Nam, con số và sự kiện 1945-1989*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, trang 63

*kiên quyết tịch thu, nhưng đối với địa chủ thường thì “vận động hiến điền, địa chủ đảng viên phải gương mẫu”.* Trước mắt nông dân Nam Bộ được tạm giao ruộng đất của Pháp và ruộng đất vắng chủ, tránh để tình trạng bỏ hoang, khi chủ trở về rêu không phải là Việt gian thì được trả lại... Đầu năm 1951, riêng miền Tây Nam Bộ đã phát động địa chủ hiến điền<sup>1</sup> và đạt được kết quả rất lớn: Tỉnh Rạch Giá có 2.785 héccta ruộng đất được hiến; tỉnh Cần Thơ đạt 50.000 héccta; tỉnh Bạc Liêu 8.263 héccta; tỉnh Vĩnh Long có hai địa chủ hiến 1000 héccta. Tính chung toàn Nam Bộ, cho đến năm 1954 đã có 573.940 héccta ruộng đất được chia cho nông dân<sup>2</sup>. Chỉ riêng ông Cao Triều Phát ở tỉnh Bạc Liêu đã hiến 5.000 héccta, Ông Huỳnh Thiện Lộc ở tỉnh Rạch Giá đã hiến 5.000 héccta, Ông Nguyễn Ngọc Trương ở tỉnh Bến Tre đã hiến 100 héccta. Với kết quả đó, Nam Bộ đã hoàn thành xong vấn đề ruộng đất chủ yếu trên cơ sở thực hiện chính sách cải cách từng phần.

Những số liệu cụ thể nêu trên cho thấy *quyền sở hữu ruộng đất ở nông thôn đã có sự chuyển biến to lớn. Điều đó khẳng định đường lối tiến hành cải cách dần dần để thu hẹp phạm vi bóc lột của địa chủ phong kiến bán xứ, đồng thời sửa đổi chế độ ruộng đất trong phạm vi không có hại cho sự đoàn kết dân tộc trong mặt trận thống nhất chống thực dân Pháp - một đường lối cách mạng ruộng đất riêng biệt của Việt Nam, là đúng đắn, sáng tạo.*

Từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 cho đến đầu năm 1953, ở Việt Nam đã hình thành một phương thức cải cách từng phần về ruộng đất với những nội dung phong phú và đặc sắc. Mục tiêu của phương thức này là hướng vào nhiệm vụ giành độc lập tự do, hạn chế sự bóc lột của địa chủ, khuyến khích nông dân và đoàn kết toàn dân kháng chiến, kiến quốc. Chính vì vậy phương thức thực hiện cải cách ruộng đất đi từ thấp đến cao, lần lần cải cách trên các phương diện như giảm tô, giảm tức, chia lại ruộng đất công cho nam và nữ, tạm chia ruộng đất vắng chủ, vận động hiến điền và điều tra nông thôn, cải cách chế độ thuế khóa, xóa bỏ các loại tô thuế vô lý... Cách thức từng bước như vậy đã thúc đẩy tối đa công cuộc kháng chiến, đồng thời đã tạo nên một cuộc cách mạng với những thay đổi to lớn của chế độ ruộng đất, thành phần và sự sở hữu ruộng đất trong nông thôn Việt Nam. Cách thức đó đã tạo nên sự phấn khởi và hăng say sản xuất của đa số người dân là nông dân, thắt chặt thêm sự đoàn kết và thống nhất mọi tầng lớp nhân dân trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Đến đây sự hiểu biết về đặc điểm xã hội và giai cấp Việt Nam lúc bấy giờ đã trở nên sâu sắc, truyền thống yêu nước, ý chí và khát khao độc lập tự do của dân tộc Việt Nam đã được khơi sâu và phát triển trên một cơ ảng

---

1. Địa chủ hiến điền hay còn gọi là “địa chủ khai minh”.

2. Hội đồng chỉ đạo biên soạn Lịch sử Nam bộ kháng chiến, 2011, *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 1 (1945-1954), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 478-482.

xã hội mới. Việt Nam đã có thể đứng vững trước làn sóng “giai cấp đấu tranh giai cấp” dội vào từ bên ngoài và tiếp tục phát triển quan điểm cách mạng dân tộc giải phóng của mình theo đúng tinh thần của Hồ Chí Minh và Trung Đảng đã nêu lên từ trước: “*đã nói đến vấn đề dân tộc tức là chúng ta nói đến sự tự do, độc lập của mỗi dân tộc*” và “*nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được*”<sup>1</sup>.

Nói thêm về bối cảnh lịch sử những thập niên đầu đến giữa thế kỷ XX của phong trào cộng sản quốc tế chứa nặng quan điểm “giai cấp đấu tranh giai cấp” và nó đã dội vào các nước, trong đó có Việt Nam một cách mạnh mẽ. Năm 1930, trong một bức thư gửi Đảng Cộng sản Đông Dương, ngày 27-6-1930, Ban Bí thư chính trị Quốc tế Cộng sản đã chỉ đạo, cần phải: “*Khơi dậy và tổ chức cuộc đấu tranh của nông dân vì ruộng đất ở khắp nơi, kết hợp cuộc đấu tranh đó với phong trào công nhân và phong trào phản đế, đó là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng trong thời điểm hiện nay... Cần phải mở rộng và tổ chức phong trào ruộng đất rộng lớn ở khắp mọi nơi, đòi giảm và hủy bỏ được tô, thuế và nợ của nông dân. Trong khi phong trào ruộng đất quy mô lớn tiếp tục phát triển, Đảng phải phát động quần chúng đấu tranh trực tiếp vì ruộng đất, chiếm toàn bộ ruộng đất của bọn địa chủ và bọn chủ đồn điền nước ngoài, chia ruộng đất đó (của địa chủ và của chủ đồn điền) cho trung nông, bán nông và cố nông trên cơ sở bình quân; đuổi bọn địa chủ, quan lại, phú hào ra khỏi làng, chủ động tịch thu tài sản của địa chủ, phú hào và quan lại chia cho nông dân*”<sup>2</sup>.

Sự tác động đó đã thách thức ghê gớm đến nhận thức của những người cộng sản Việt Nam ngay từ buổi đầu thành lập Đảng và những giai đoạn về sau. Giai đoạn 1945-1953, đằng sau nhận thức đúng đắn và sáng tạo của phương thức cải cách ruộng đất từng phần luôn len lỏi những hoài nghi, thắc mắc, mâu thuẫn và dao động giữa việc giải quyết mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và giai cấp... Khi đường lối ba giai đoạn chiến lược đúng đắn được thông qua Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II, năm 1951 và khi chính sách cải cách ruộng đất từng phần được tiếp tục chuẩn y trong Đại hội đó thì vẫn có ý kiến nêu lên cần phải tịch thu ngay ruộng đất của địa chủ, chia cho dân cày. Trước những ý kiến đó, Trung ương Đảng một lần nữa đã phải chỉ rõ “*Chủ trương đó quá tả. Nó coi thường chính sách đại đoàn kết kháng chiến của Đảng và của Chính phủ, muốn vượt bỏ giai đoạn, đặt hai nhiệm vụ*

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2000, “*Trung ương Hội nghị lần thứ Tám Đảng Cộng sản Đông Dương*”, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7 (1940-1945), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, trang 113.

2. Bức thư này đã được chuẩn y tại phiên họp của Ban Bí thư chính trị Quốc tế Cộng sản, ngày 28-5-1930, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, 1999, tập 3, Hà Nội, trang 359-360.

phản đế và phản phong kiến ngang nhau”<sup>1</sup>. Lẽ ra, tiếp theo tinh thần đó, đến năm 1953, phương thức cải cách từng phần về ruộng đất phải tiếp tục được áp dụng, phát triển và hoàn thiện trong những điều kiện lịch sử mới. Từ đó có thể tạo ra một mô hình thực hiện cách mạng ruộng đất cho Việt Nam và có thể vận dụng ở các nước trong giai đoạn chuyển đổi xã hội.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, 2001, “Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội (Luận cương cách mạng Việt Nam do đồng chí Trường Chinh đọc tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 12 *Sđd*, trang 132.